

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BẾ VĂN ĐÀN

Số: 283/QĐ – THBVĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Thanh Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(V/v công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
của Trường Tiểu học Bế Văn Đàn)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số: 380/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024. V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Tiểu học Bế Văn Đàn (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày; từ ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 9 tháng 1 năm 2025 (kể cả thứ bảy, chủ nhật).

Trong thời gian niêm yết 15 ngày nếu không có thay đổi gì trường Tiểu học Bế Văn Đàn sẽ tiến hành tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán, các bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Nhân

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI GIAO DỰ
TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 2336/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND Thành phố Điện Biên Phủ Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách thành phố Điện Biên Phủ năm 2024;

Căn cứ vào thông báo số 124/TB-TCKH ngày 14/12/2024 của phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Điện Biên Phủ về việc thẩm định phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025;

Căn cứ vào Quyết định số 380/QĐ-PGDĐT, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Điện Biên Phủ Về việc giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của đơn vị;

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại Văn phòng trường tiểu học Bế Văn Đàn tiến hành họp công khai về việc giao bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| 1. Bà: Đinh Thị Thanh Nhân | Hiệu trưởng |
| 2. Trần Thị Hường | Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà: Lương Thị Loan | Giáo Viên - chủ tịch công đoàn |
| 4. Bà: Nguyễn Hải Yến | Kế toán |
| 5. Bà: Đỗ Thị Oanh | Tổ trưởng chuyên môn khối 1 |
| 6. Bà: Lại Thị Lan | Tổ trưởng chuyên môn khối 2 |
| 7. Bà: Nguyễn Thị Thảo | Tổ trưởng chuyên môn khối 3 |
| 8. Bà: Vương Thị Hoài | Tổ trưởng chuyên môn khối 4 |
| 9. Bà: Trần Lệ Quyên | Tổ trưởng chuyên môn khối 5 |
| 10. Bà: Trần Thị Thanh Hà | Thư ký |
| 11. Ông: Nguyễn Quốc Hải | Trưởng ban thanh tra nhân dân |

Đã tiến hành niêm yết công khai số liệu “ Bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025”

Thời gian niêm yết: Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày; từ ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 9 tháng 1 năm 2025 (kể cả thứ bảy, chủ nhật).

Địa điểm dán niêm yết: Bảng thông báo trường trường tiểu học Bế Văn Đàn và trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 30 ngày 27 tháng 12 năm 2024, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

THƯ KÝ

Hà

Trần Thị Thanh Hà



Đinh Thị Thanh Nhàn

TRƯỞNG BAN
TTND

Quốc Hải

Nguyễn Quốc Hải

CHỦ TỊCH CÔNG
ĐOÀN

Loan

Lương Thị Loan

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hương

Trần Thị Hương

HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN
Bà: Nguyễn Hải Yên	<i>Hải Yên</i>
Bà: Đỗ Thị Oanh	<i>Oanh</i>
Bà: Lại Thị Lan	<i>Lan</i>
Bà: Nguyễn Thị Thảo	<i>Thảo</i>
Bà: Vương Thị Hoài	<i>Hoài</i>
Bà: Trần Lệ Quyên	<i>Quyên</i>

Điện Biên Phủ, ngày 9 tháng 01 năm 2025

BIÊN BẢN
KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI GIAO DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 380/QĐ-PGDĐT, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của PGDĐT thành phố Điện Biên Phủ về việc giao dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của đơn vị;

Sau thời gian niêm yết công khai Về việc giao dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2025

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Văn phòng trường tiểu học Bé Văn Đàn tiến hành họp kết thúc niêm yết công khai Về việc giao dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| 1. Bà: Đinh Thị Thanh Nhân | Hiệu trưởng |
| 2. Trần Thị Hương | Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà: Lương Thị Loan | Giáo Viên - chủ tịch công đoàn |
| 4. Bà: Nguyễn Hải Yến | Kế toán |
| 5. Bà: Đỗ Thị Oanh | Tổ trưởng chuyên môn khối 1 |
| 6. Bà: Lại Thị Lan | Tổ trưởng chuyên môn khối 2 |
| 7. Bà: Nguyễn Thị Thảo | Tổ trưởng chuyên môn khối 3 |
| 8. Bà: Vương Thị Hoài | Tổ trưởng chuyên môn khối 4 |
| 9. Bà: Trần Lệ Quyên | Tổ trưởng chuyên môn khối 5 |
| 10. Bà: Trần Thị Thanh Hà | Thư ký |
| 11. Ông: Nguyễn Quốc Hải | Trưởng ban thanh tra nhân dân |

Đã tiến hành họp kết thúc niêm yết công khai Về việc giao dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2025

Thời gian niêm yết: Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày; từ ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 9 tháng 01 năm 2025 (kể cả thứ bảy, chủ nhật).

Địa điểm dán niêm yết: Bảng thông báo trường trường tiểu học Bế Văn Đàn và trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 30 ngày 9 tháng 01 năm 2025, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

THƯ KÝ

Trần Thị Thanh Hà

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Nhân

**TRƯỞNG BAN
TTND**

Nguyễn Quốc Hải

**CHỦ TỊCH CÔNG
ĐOÀN**

Lương Thị Loan

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN
Bà: Nguyễn Hải Yến	
Bà: Đỗ Thị Oanh	
Bà: Lại Thị Lan	
Bà: Nguyễn Thị Thảo	
Bà: Vương Thị Hoài	
Bà: Trần Lệ Quyên	

Số: 380 /QĐ - PGDDT

Điện Biên Phủ, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Thành phố thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ vào Quyết định số 2536/QĐ-UBND, ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách thành phố Điện Biên Phủ năm 2025;

Căn cứ thông báo số 124 /TB-TCKH ngày 14/12/2024 của phòng Tài chính Kế Hoạch thành phố Điện Biên Phủ về việc thẩm định phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

(Chi tiết kèm theo phụ lục 01+02)

Điều 2. Căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Thủ trưởng, kế toán, Hiệu trưởng các đơn vị trường học trực thuộc có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN Điện Biên;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Hồng

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI TIẾT NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PGDĐT, ngày / 12 /2024)

STT	Họ và tên	mã quan hệ NS	Cộng tiền lương biên chế + hợp đồng + các khoản đóng góp theo lương	Chi tiền lương, tiền thưởng						Nguồn 12				Chế độ ch		
				Định mức cấp/Biên chế	Thành tiền	Khoán 60% học phí	Ngân sách cấp chi khác	Tiền Thưởng	tổng cộng tiền lương, tiền thưởng	Cộng nguồn 12	Trong đó			Nghị định 105/2020/ NĐ-CP	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ bù m. giảm l phí
											Sửa chữa, Giải thể thao	mua sắm trang thiết bị	Tổng cộng chế độ chính sách			
	Sự nghiệp Giáo dục		344.128.068		10.557.000	1.709.000	8.848.000	16.860.978	400.994.000	39.853.000	17.180.000	16.000.000	6.673.000	814.000	3.505.000	1.798.
I	1. Sự nghiệp mầm non		122.086.941		4.111.000	938.000	3.173.000	5.868.118	140.320.763	13.226.000	6.800.000	4.000.000	2.426.000	814.000	627.000	985.
1	1. Trường MN Nà Nhạn	1096029	4.039.620	8.000	160.000	30.000	130.000	211.273	4.430.893	410.000		300.000	110.000	45.000	25.000	40.
2	2. Trường MN Nà Tấu	1096028	4.925.119	8.000	208.000	47.000	161.000	260.245	5.376.364	289.050		150.050	139.000	53.000	36.000	50.
3	3. Trường MN Võ Nguyên Giáp	1096030	4.090.171	8.000	176.000	30.000	146.000	196.110	4.612.281	208.000		150.000	58.000	8.000	10.000	40.
4	4. Trường MN số 1 Pá Khoang	1105673	4.734.202	8.000	176.000	20.000	156.000	191.084	5.081.286	505.000		200.000	305.000	150.000	110.000	45.
5	Trường MN số 2 Nà Nhạn	1115254	5.227.822	8.000	200.000	35.000	165.000	320.196	5.783.018	284.000			284.000	164.000	70.000	50.
6	6. Trường MN Tà Cáng	1115344	4.491.914	8.000	168.000	30.000	138.000	201.586	4.846.500	340.000		156.000	184.000	74.000	60.000	50.
7	7. Trường MN Mường Phăng	1115443	4.368.397	8.000	168.000	31.000	137.000	223.516	4.728.913	92.000			92.000	22.000	20.000	50.
8	8. Trường MN số 2 Pá Khoang	1124553	4.290.705	8.000	152.000	10.000	142.000	156.574	4.689.079	475.000		300.000	175.000	80.000	60.000	35.
9	9. Trường MN Hoa Sen	1118308	4.060.016	8.000	136.000	30.000	106.000	190.522	4.486.538	49.000			49.000	9.000	10.000	30.
10	10. Trường MN Hòa Mi	1104917	2.687.912	8.000	104.000	15.000	89.000	129.139	2.906.051	54.000			54.000	14.000	10.000	30.
11	11. Trường MN 7_5	1031114	9.758.921	7.000	273.000	95.000	178.000	459.838	10.476.759	281.100		194.100	87.000	14.000	13.000	60.
12	12. Trường MN Him Lam	1029630	5.468.343	7.000	161.000	53.000	108.000	251.877	5.928.220	253.000		190.000	63.000	10.000	13.000	40.
13	13. Trường MN Nam Thanh	1029779	6.845.471	7.000	210.000	65.000	145.000	318.904	7.459.375	412.000		312.000	100.000	20.000	25.000	55.
14	14. Trường MN Hoa Ban	1029634	6.746.450	7.000	196.000	65.000	131.000	311.519	7.318.969	515.000	300.000	150.000	65.000	10.000	10.000	45.
15	15. Trường MN Thanh Trường	1029787	9.229.172	7.000	280.000	80.000	200.000	429.624	10.008.796	806.710		696.710	110.000	40.000	20.000	50.
16	16. Trường MN Hoa Mơ	1104965	3.746.829	7.000	196.000	25.000	171.000	276.503	4.301.232	247.140		191.140	56.000	16.000	10.000	30.
17	17. Trường MN Noong Bua	1031212	5.322.021	7.000	154.000	35.000	119.000	243.172	5.784.193	71.000			71.000	16.000	15.000	40.
18	18. Trường MN Sơn Ca	1098951	5.274.745	7.000	147.000	35.000	112.000	241.572	5.628.317	242.000		170.000	72.000	12.000	15.000	45.
19	19. Trường MN Hoa Hồng	1029778	6.673.658	7.000	203.000	60.000	143.000	319.044	7.155.702	75.000			75.000	10.000	20.000	45.

STT	Họ và tên	mã quan hệ NS	Công tiền lương biên chế + hợp đồng gộp theo lương	Chi tiền lương, tiền thưởng							Nguồn 12			Chế độ chi		
				Định mức cấp/Biên chế	Thành tiền	Khoản 60% học phí	Ngân sách cấp chi khác	Tiền Thưởng	tổng công tiền lương, tiền thưởng	Cộng nguồn 12	Trong đó			Nghị định 105/2020/ ND-CP	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ bù mí giảm t phí
											Sửa chữa, Giải thể thao	mua sắm trang thiết bị	Tổng công chế độ chính sách			
	Sự nghiệp Giáo dục		344.128.068		10.557.000	1.709.000	8.848.000	16.860.978	400.994.000	39.853.000	17.180.000	16.000.000	6.673.000	814.000	3.505.000	1.798.
3	3. Trường THPT số 2 Nà Tấu	1095994	7.178.214	8.000	240.000		240.000	340.947	7.979.161	820.000		700.000	120.000		120.000	
4	4. Trường THPT số 1 Pá Khoang	1096003	7.006.511	8.000	192.000		192.000	270.747	7.534.258	290.000			290.000		290.000	
5	5.Trường THPT số 1 Nà Nhạn	1095975	5.465.349	8.000	168.000		168.000	242.386	5.885.735	45.000			45.000		45.000	
6	6. Trường THPT số 2 Pá Khoang	1095991	5.266.727	8.000	144.000		144.000	296.328	5.836.855	426.000			426.000		176.000	
7	7.Trường THPT Võ Nguyên Giáp	1096007	4.778.943	8.000	144.000		144.000	215.991	5.228.934	530.000		500.000	30.000		30.000	
8	8.Trường THPT Mường Phăng	1096012	5.752.010	8.000	160.000		160.000	243.425	6.285.435	554.000		500.000	54.000		54.000	
9	9. Trường THPT Hoàng Văn Nô	1031112	3.119.930	8.000	104.000		104.000	219.782	3.598.712	30.000			30.000		30.000	
10	10. Trường THPT Bế Văn Đàn	1029638	12.042.602	7.000	322.000		322.000	558.146	13.072.748	1.622.942		1.532.942	90.000		70.000	
11	11. Trường THPT Hà Nội_DBP	1029788	12.770.965	7.000	343.000		343.000	597.205	13.811.170	961.338		906.338	55.000		35.000	
12	12. Trường THPT Nam Thanh	1029632	9.601.565	7.000	266.000		266.000	443.776	10.381.341	102.150		57.150	45.000		45.000	
13	13.Trường THPT Noong Bua	1031115	9.452.704	7.000	273.000		273.000	455.682	10.221.386	59.000			59.000		59.000	
14	14. Trường THPT Him Lam	1029789	13.136.391	7.000	343.000		343.000	604.646	14.174.037	1.555.220		1.440.220	115.000		95.000	
15	15.Trường THPT Tô Vĩnh Diện	1029637	10.543.536	7.000	287.000		287.000	494.938	11.464.574	708.350		663.350	45.000		45.000	
16	Sự nghiệp THPT tại Văn phòng + chi khác								1.500.000	-						
17	Biên chế chưa tiếp nhận và nâng lương								6.123.608	-						
18	Mua sắm sự nghiệp Tiểu học (THPT trung)								-	500.000		500.000				
19	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật								900.000							
20	Sửa chữa nâng cấp SN tiểu học								-	3.000.000	3.000.000					
21	Giải thể thao thành phố, hội khỏe								-	300.000	300.000					
III	3. Sự nghiệp Trung học cơ sở		103.221.846		3.100.000	771.000	2.329.000	5.337.526,00	122.591.514	13.007.000	6.600.000	4.000.000	2.407.000	-	1.534.000	813.
1	1.Trường THCS Nà Nhạn	1095963	6.137.570	8.000	208.000	45.000	163.000	314.018	6.644.588	210.000			210.000		130.000	80.
2	2. Trường THCS Võ Ng. Giáp	1095956	10.980.302	8.000	376.000	92.000	284.000	550.059	12.068.361	1.277.930		707.930	570.000		450.000	120.
3	3. Trường THCS Nà Tấu	1095955	7.660.033	8.000	264.000	70.000	194.000	386.773	8.433.806	465.000			465.000		380.000	85
4	4. Trường THCS Him Lam	1029783	13.655.358	7.000	378.000	150.000	228.000	704.246	14.727.604	140.000			140.000		70.000	